

Số: 31 /QĐ-DVVLKH

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán kinh phí BHTN năm 2026
của Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa**

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/03/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 04/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc tổ chức lại Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ về dịch vụ việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm và Điều dưỡng người có công tỉnh Ninh Thuận và kiện toàn cơ cấu tổ chức;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-BNV ngày 13/03/2026 của Bộ Nội vụ về việc giao dự toán chi tổ chức và hoạt động quản lý bảo hiểm thất nghiệp năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính- Nghiệp vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi tổ chức và hoạt động quản lý bảo hiểm thất nghiệp năm 2026 của Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa. (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Hành chính-Nghệp vụ và các cá nhân liên quan thuộc Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HCNV, Dương.

GIÁM ĐỐC



Trần Đại Dương

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa

Chương: 435

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 31 /QĐ-DVVLKH ngày 09 / 4 /2026
của Trung tâm Dịch vụ việc làm Khánh Hòa)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.755
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.755
1	Chi quản lý hành chính	7.755
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.749
1.2	Kinh phí thực hiện CCTL	0
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.006
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

GIÁM ĐỐC



Trần Đại Dương